TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN AN PHÚ** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA V NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 25/2022/HS-ST
Ngày 21 - 4 - 2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA V NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN PHÚ, TỈNH AN GIANG

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Tuân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Thiện Hoàn;

2. Ông Huỳnh Trường Huân.

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Huynh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Phú, tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Phú tham gia phiên tòa: Ông Hồ Nguyễn Thiết Bảnh - Kiểm sát viên.

Trong ngày 21 tháng 4 năm 2022, tại Hội trường Ủy ban nhân dân thị trấn AP, huyện AP, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm lưu động công khai vụ án hình sự thụ lý số: 10/2022/TLST-HS ngày 04 tháng 3 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 82/2022/QĐXXST-HS ngày 05 tháng 4 năm 2022, đối với các bị cáo:

1. Trần Văn V, sinh ngày 10/01/1990; nơi sinh: Huyện AP, tỉnh An Giang; nơi cư trú: Ấp BĐ, xã NH, huyện AP, tỉnh An Giang; nghề nghiệp: Buôn bán; trình độ học vấn: 07/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Đạo Cao Đài; quốc tịch: Việt Nam; cha: Trần Văn B, sinh năm 1962; mẹ: Lê Thị K, sinh năm 1970; anh, chị em: Có 02 người, bị cáo là người lớn nhất; bị cáo chưa có vợ, con.

- Tiền án, tiền sự: Không.

- Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp tạm giam từ ngày 18/10/2021 cho đến nay, tại Trại tạm giam Công an tỉnh An Giang.

2. Nguyễn Văn H (tên gọi khác: P), sinh ngày: 08/4/2003; nơi sinh: Huyện AP, tỉnh An Giang; nơi cư trú: Ấp BĐ, xã NH, huyện AP, tỉnh An Giang; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ học vấn: Không biết chữ; dân tộc: Kinh; giới

tính: Nam; tôn giáo: Đạo Phật; quốc tịch: Việt Nam; cha: Nguyễn Văn B1, sinh năm 1958; mẹ: Dương Thị H, sinh năm 1960; anh, chị em: Có 06 người, bị cáo là người thứ 05; bị cáo chưa có vợ, con.

- Tiền án, tiền sự: Không.

- Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp tạm giam từ ngày 18/10/2021 cho đến nay, tại Trại tạm giam Công an tỉnh An Giang.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

- Ông Lê Văn L, sinh năm 1998; nơi cư trú: Phường KP, thị xã KA, tỉnh Hà Tĩnh; vắng mặt.

- Ông Đào Thành L1, sinh năm 1993; nơi cư trú: Xã TL, huyện VB, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

- Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1996; nơi cư trú: Ấp PN, xã PH, huyện AP, tỉnh An Giang; vắng mặt.

Người làm chứng:

- Ông Nguyễn Văn H1, sinh năm 1975; vắng mặt.

- Ông Hứa Trung T1, sinh năm 1995; vắng mặt.

- Ông Lê Văn Đ, sinh năm 1987; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 18/10/2021, nhận được tin báo của quần chúng nhân dân về việc có đối tượng nghi vấn chở người xuất cảnh trái phép bằng đường thủy dưới hình thức dùng vỏ lãi giả dạng người đi đánh bắt cá nên Đồn Biên phòng PH, Bộ chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh An Giang tiến hành tuần tra đến khu vực ấp PN, xã PH, huyện AP, tỉnh An Giang thì phát hiện, bắt quả tang Nguyễn Văn H đang có hành vi tổ chức đưa Đào Thành L1, Lê Văn L xuất cảnh trái phép sang Camphuchia. Đến 20 giờ 30 phút cùng ngày, Trần Văn V đến Đồn Biên phòng PH đầu thú.

Qua điều tra xác định: Ngày 18/10/2021, Chia S (đang sống tại Campuchia) điện thoại kêu V đưa Đào Thành L1 và Lê Văn L xuất cảnh trái phép sang Campuchia với tiền công 3.000.000đồng/01 người thì V đồng ý. Khoảng 09 giờ 40 phút cùng ngày, Chia S điện thoại kêu V đến khu vực nhà máy gạch tại thị trấn AP, huyện AP, tỉnh An Giang chở L1, L thì V điện thoại kêu H đến khu vực nhà máy gạch chở L1, L đến nhà V để V tổ chức xuất cảnh trái phép sang Campuchia và hứa trả tiền công 200.000 đồng/01 người thì H đồng ý. Sau đó, H điều khiển vỏ lãi đến điểm hẹn chở L1 và L đến khu vực ấp PN, xã PH, huyện AP, tỉnh An Giang thì bị phát hiện bắt quả tang. Ngày 27/10/2021, V, H bị khởi tố, tạm giam để điều tra.

Tại Bản Cáo trạng số 14/CT-VKSAG-P1 ngày 03 tháng 3 năm 2022 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang truy tố các bị cáo Trần Văn V và Nguyễn Văn H về tội "Tổ chức cho người khác xuất cảnh trái phép" theo quy định tại khoản 1 Điều 348 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại phiên tòa,

- Các bị cáo Trần Văn V, Nguyễn Văn H không có ý kiến với nội dung Cáo trạng và khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như Cáo trạng truy tố. Các bị cáo không có ý kiến tranh luận với quan điểm luận tội của Kiểm sát viên và mong muốn Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo. Ngoài ra, bị cáo V khai nhận sẽ tự nguyện giao nộp số tiền 9.000.000 (chín triệu) đồng để khắc phục hậu quả nhưng chỉ giao nộp sau khi đã chấp hành xong bản án.

- Trong phát biểu luận tội, Kiểm sát viên trình bày: Xác định hành vi của các bị cáo V và H đã đủ yếu tố cấu thành tội "Tổ chức cho người khác xuất cảnh trái phép" quy định tại khoản 1 Điều 348 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017). Vì vậy, khẳng định Cáo trạng truy tố các bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội và phù hợp với quy định của pháp luật nên vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố đối với các bị cáo tại phiên tòa.

Đây là vụ án có đồng phạm nhưng mang tính chất đồng phạm giản đơn, giữa các bị cáo không có sự câu kết, tổ chức và phân chia vai trò cụ thể. Các bị cáo đều tham gia với vai trò là người thực hành, tuy nhiên bị cáo V phải chịu trách nhiệm pháp lý cao hơn bị cáo H do là người tổ chức, rủ rê bị cáo H thực hiện hành vi phạm tội.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; các bị cáo tích cực hợp tác với cơ quan điều tra trong quá trình giải quyết vụ án; các bị cáo có nhân thân tốt; các bị cáo thuộc thành phần lao động nghèo, có trình độ học vấn thấp nên nhận thức pháp luật còn hạn chế. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017) nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét áp dụng.

Từ những phân tích, đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ khoản 1 Điều 348; điểm s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017) xử phạt bị cáo Trần Văn V từ 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù đến 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù và bị cáo Nguyễn Văn H từ 01 (một) năm tù đến 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù.

Về hình phạt bổ sung, do các bị cáo thuộc thành phần lao động nghèo, không có nghề nghiệp ổn định nên đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Về xử lý vật chứng:

- Đề nghị tịch thu, sung vào ngân sách Nhà nước: 01 (một) điện thoại di động hiệu Nokia 110 màu bạc, số IMEI 1: 3512888541303070, số IMEI 2: 351288854630379 có gắn sim điện thoại số 0359.191.377 thu giữ của Trần Văn V; 01 (một) điện thoại di động hiệu Itel màu đen, số IMEI 1: 358625102302124, số IMEI 2: 358625102302132 có gắn sim điện thoại số 0393.855.949 do đây là công cụ, phương tiện dùng vào việc phạm tội.

- Đề nghị trả lại cho Đào Thành L1: 01 (một) điện thoại di động hiệu Redmi màu xanh, số IMEI 1: 860823050225485, số IMEI 2: 860823050225493 và 01 (một) điện thoại di động hiệu HUAWEI màu đen, số IMEI 1: 869881033485809, số IMEI 2: 869881033507818 đã qua sử dụng do không liên quan đến hành vi phạm tội của các bị cáo.

- Đề nghị trả lại cho Lê Văn L: 01 (một) điện thoại di động hiệu OPPO màu tím, số IMEI 1: 861703048884354, số IMEI 2: 861703048884347 và 01 (một) điện thoại di động hiệu Samsung A7 màu xanh dương, số IMEI 1: 353465102245741, số IMEI 2: 353466102245749 đã qua sử dụng do không liên quan đến hành vi phạm tội của các bị cáo.

- Đề nghị trả lại cho Nguyễn Văn T: 01 (một) vỏ lãi composite hiệu PHÁT ĐẠT, dài 5,4 m, rộng 0,85 m, màu xanh trắng và 01 (một) máy dầu hiệu HUYNDAI, 18 HP, số khung: Không có, số máy: HP120EA1405003873 đã qua sử dụng do ông T cho bị cáo H mượn nhưng không biết H sử dụng để đưa người xuất cảnh trái phép.

Đối với:

- Tên "Chia S", "Huli" sống tại Campuchia nên không thể xác minh làm rõ. Cơ quan An ninh điều tra sẽ tiếp tục điều tra, xử lý sau.

- Bị cáo Trần Văn V, Nguyễn Văn H khai nhận ngoài lần bắt quả tang, trước đó đã tổ chức đưa 02 lần, 03 người khách xuất cảnh sang Campuchia trót lọt, V được Chia S trả tiền công 9.000.000 đồng, còn H được V trả tiền công 600.000 đồng. Tuy nhiên, ngoài lời khai của V, H không có tài liệu chứng cứ nào khác để quy kết, sẽ tiếp tục điều tra, xử lý sau.

- Lê Văn L, Đào Thành L1 có hành vi xuất cảnh trái phép, nhưng chưa có tiền án, tiền sự về hành vi này nên Đồn Biên phòng PH, Bộ chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh An Giang đã ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính.

- Nguyễn Văn H1 là người điều khiển xe tải biển kiểm soát 67M-2005 chở L1, L từ khu vực trung tâm cách ly thị trấn AP đến nhà máy gạch thị trấn AP, huyện AP, H1 không biết L1, L xuất cảnh trái phép nên không có căn cứ để xử lý.

Trong lời nói sau cùng, bị cáo Trần Văn V và bị cáo Nguyễn Văn H xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

Tại phiên tòa, mặc dù đã được Tòa án tống đạt hợp lệ giấy triệu tập tham gia phiên tòa nhưng người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án ông Lê Văn L, ông Đào Thành L1, ông Nguyễn Văn T và người làm chứng ông Nguyễn Văn H1, ông Hứa Trung T1, ông Lê Văn Đ cùng vắng mặt không rõ lý do. Tuy nhiên, những người tham gia tố tụng này đã có lời khai thể hiện rõ trong hồ sơ vụ án và đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện AP, các bị cáo không có ý kiến về sự vắng mặt của những người tham gia tố tụng này. Xét việc vắng mặt của những người tham gia tố tụng này không gây trở ngại cho việc xét xử nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt là phù hợp với quy định tại Điều 292, 293 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

[2] Những chứng cứ, tài liệu do Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên thu thập. Tính hợp pháp của hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử:

Những chứng cứ, tài liệu do Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên thu thập là đầy đủ và phù hợp với quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, các bị cáo không khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử. Do đó, Hội đồng xét xử xem xét hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử là hợp pháp và phù hợp với quy định của pháp luật.

[3] Về nội dung vụ án:

Lời nhận tội của các bị cáo V và H tại phiên tòa hoàn toàn phù hợp với biên bản bắt người phạm tội quả tang ngày 18/10/2021 của Đồn biên phòng xã PH, huyện AP, phù hợp với lời khai của các bị cáo trong giai đoạn điều tra, đồng thời cũng phù hợp với lời khai của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, người làm chứng và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra. Qua xét hỏi, tranh luận công khai tại phiên tòa, có đủ cơ sở xác định các bị cáo Trần Văn V, Nguyễn Văn H đã có hành vi tổ chức đưa Đào Thành L1 và Lê Văn L xuất cảnh trái phép sang Campuchia nhằm mục đích thu lợi bất chính với số tiền 3.000.000 (ba triệu) đồng người. Trong đó, bị cáo H được bị cáo V trả công 200.000 (hai trăm nghìn) đồng/ người nếu tổ chức thành công đưa Đào Thành L1 và Lê Văn L xuất cảnh trái phép sang Campuchia.

Các bị cáo là người có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ hành vi tổ chức cho người khác xuất cảnh trái phép là vi phạm pháp luật, xâm phạm trực tiếp đến trật tự quản lý hành chính trong lĩnh vực xuất cảnh ở V Nam nhưng vì mục đích vụ lợi, các bị cáo vẫn cố ý thực hiện hành vi phạm tội. Do đó, hành vi của các bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội "Tổ chức cho người khác xuất cảnh trái phép" theo quy định tại khoản 1 Điều 348 Bộ luật Hình sự

năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017). Cho nên, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang truy tố các bị cáo ra trước phiên tòa ngày hôm nay và lời buộc tội của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện AP tại phiên tòa là có căn cứ, đúng người, đúng tội và phù hợp với quy định của pháp luật.

[4] Về tính chất, mức độ hành vi phạm tội:

Việc xuất, nhập cảnh trái phép không chỉ liên quan trực tiếp đến công tác bảo vệ an ninh đất nước, mà còn ảnh hưởng trực tiếp đến công tác phòng, chống dịch bệnh Covid-19. Trong giai đoạn dịch bệnh Covid-19 bùng phát và diễn biến phức tạp thì tính tự giác trong việc thực hiện các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước cần phải được thực hiện nghiêm nhằm mục đích đem lại sự bình yên, an toàn trong cộng đồng. Tuy nhiên, chỉ vì mục đích vụ lợi cá nhân mà các bị cáo đi ngược lại với lợi ích chung của cả cộng đồng. Do đó, hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không những gây ảnh hưởng đến trật tự quản lý hành chính trong việc kiểm soát người xuất, nhập cảnh mà còn gây ảnh hưởng đến công tác phòng, chống dịch bệnh Covid-19 mà nhà nước và xã hội đang ra sức thực hiện.

Về vai trò đồng phạm trong vụ án, các bị cáo cùng thực hiện hành vi phạm tội, không có sự câu kết chặt chẽ và phân chia vai trò cụ thể, các bị cáo đều tham gia với vai trò là người thực hành nên được xem là đồng phạm giản đơn. Tuy nhiên, bị cáo Trần Văn V là người rủ rê bị cáo Nguyễn Văn H cùng thực hiện hành vi phạm tội nên cần thiết phải áp dụng hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội của từng bị cáo để đảm bảo tính răn đe, giáo dục và phòng ngừa tội phạm.

[5] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự:

Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[6] Về nhân thân của bị cáo và tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Xét về nhân thân, các bị cáo là người có nhân thân tốt, chưa từng có tiền án tiền sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; các bị cáo thuộc thành phần lao động nghèo, có trình độ học vấn thấp nên nhận thức pháp luật còn hạn chế. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017) nên Hội đồng xét xử sẽ xem xét áp dụng cho các bị cáo khi lượng hình.

Đối với tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự "Người phạm tội tích cực hợp tác với cơ quan có trách nhiệm trong việc phát hiện tội phạm" được quy định tại điểm t khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017) mà đại diện Viện kiểm sát đề nghị áp dụng cho các bị cáo. Xét thấy, việc các bị cáo tích cực hợp tác với cơ quan điều tra chỉ làm sáng tỏ hành vi phạm tội của các bị cáo, làm sáng tỏ vụ án mà các bị cáo đã thực hiện hành vi

phạm tội và chỉ thể hiện thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải chứ chưa giúp cơ quan điều tra phát hiện thêm tội phạm mới hoặc đồng phạm mới. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét áp dụng tình tiết giảm nhẹ này cho các bị cáo.

Tại phiên tòa, bị cáo Trần Văn V khai nhận sẽ tự nguyện giao nộp số tiền 9.000.000 (chín triệu) đồng để khắc phục hậu quả nhưng chỉ giao nộp sau khi đã chấp hành xong bản án. Do bị cáo chưa thực hiện việc giao nộp nên Hội đồng xét xử chỉ ghi nhận lời trình bày, không áp dụng tình tiết giảm nhẹ này cho bị cáo.

[7] Về hình phạt:

Xét tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân của các bị cáo, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cũng như sự cần thiết đảm bảo tính nghiêm minh của pháp luật. Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện AP, xét thấy cần thiết phải áp dụng mức hình phạt tù đối với các bị cáo nhằm đảm bảo mục đích răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung trong xã hội. Việc áp dụng hình phạt tù còn nhằm đảm bảo mục đích cải tạo bị cáo trở thành công dân tốt, có ích cho gia đình và xã hội về sau.

[8] Về hình phạt bổ sung:

Do các bị cáo thuộc thành phần lao động nghèo, không có nghề nghiệp ổn định nên xét không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[9] Về xử lý vật chứng:

- Tịch thu, sung vào ngân sách Nhà nước: 01 (một) điện thoại di động hiệu Nokia 110 màu bạc, số IMEI 1: 3512888541303070, số IMEI 2: 351288854630379 có gắn sim điện thoại số 0359.191.377 thu giữ của Trần Văn V; 01 (một) điện thoại di động hiệu Itel màu đen, số IMEI 1: 358625102302124, số IMEI 2: 358625102302132 có gắn sim điện thoại số 0393.855.949 do đây là công cụ, phương tiện dùng vào việc phạm tội.

- Trả lại cho ông Đào Thành L1: 01 (một) điện thoại di động hiệu Redmi màu xanh, số IMEI 1: 860823050225485, số IMEI 2: 860823050225493 và 01 (một) điện thoại di động hiệu HUAWEI màu đen, số IMEI 1: 869881033485809, số IMEI 2: 869881033507818 đã qua sử dụng do không liên quan đến hành vi phạm tội của các bị cáo.

- Trả lại cho ông Lê Văn L: 01 (một) điện thoại di động hiệu OPPO màu tím, số IMEI 1: 861703048884354, số IMEI 2: 861703048884347 và 01 (một) điện thoại di động hiệu Samsung A7 màu xanh dương, số IMEI 1: 353465102245741, số IMEI 2: 353466102245749 đã qua sử dụng do không liên quan đến hành vi phạm tội của các bị cáo.

- Trả lại cho ông Nguyễn Văn T: 01 (một) vỏ lãi composite hiệu PHÁT ĐẠT, dài 5,4 m, rộng 0,85 m, màu xanh trắng và 01 (một) máy dầu hiệu HUYNDAI, 18 HP, số khung: Không có, số máy: HP120EA1405003873 đã qua

sử dụng. Đây là phương tiện mà bị cáo H sử dụng để đưa người xuất cảnh trái phép sang Campuchia. Tuy nhiên, khi cho bị cáo H mượn, ông T không biết H sử dụng để đưa người xuất cảnh trái phép.

[10] Về trách nhiệm của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

- Đối với Lê Văn L, Đào Thành L1 có hành vi xuất cảnh trái phép, nhưng chưa có tiền án, tiền sự về hành vi này nên Đồn Biên phòng PH, Bộ chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh An Giang đã ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính là phù hợp với quy định của pháp luật.

- Nguyễn Văn H1 là người điều khiển xe tải biển kiểm soát 67M-2005 chở L1, L từ khu vực trung tâm cách ly thị trấn AP đến nhà máy gạch thị trấn AP, huyện AP, H không biết L1, L xuất cảnh trái phép nên không có căn cứ để xử lý.

[11] Kiến nghị Cơ quan An ninh điều tra - Công an tỉnh An Giang tiếp tục xác minh, làm rõ:

- Các đối tượng tên "Chia S", "Huli" có hành vi móc nối với bị cáo Trần Văn V để tổ chức đưa người xuất cảnh trái phép sang Campuchia để điều tra, xử lý.

- Bị cáo Trần Văn V, Nguyễn Văn H khai nhận ngoài lần bắt quả tang, trước đó đã tổ chức đưa 02 lần, 03 người khách xuất cảnh trái phép sang Campuchia, V được Chia S trả tiền công 9.000.000 đồng, còn H được V trả tiền công 600.000 đồng. Do chỉ có lời khai của V, H, ngoài ra không có tài liệu chứng cứ nào khác để quy kết nên đề nghị tiếp tục điều tra làm rõ, xử lý.

[12] Về án phí sơ thẩm và các chi phí tố tụng khác:

Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo luật định.

Các bị cáo không phải chịu các chi phí tố tụng khác.

[13] Về quyền kháng cáo:

Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án ông Đào Thành L1, ông Lê Văn L, ông Nguyễn Văn T có quyền kháng cáo phần bản án có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Trần Văn V và bị cáo Nguyễn Văn H phạm tội "Tổ chức cho người khác xuất cảnh trái phép";

Căn cứ khoản 1 Điều 348; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Xử phạt:

Bị cáo Trần Văn V: 02 (hai) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt của bị cáo được tính kể từ ngày bị áp dụng biện pháp tạm giữ, tạm giam ngày 18/10/2021 (ngày mười tám tháng mười năm hai nghìn không trăm hai mươi mốt).

Bị cáo Nguyễn Văn H: 01 (một) năm 09 (chín) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt của bị cáo được tính kể từ ngày bị áp dụng biện pháp tạm giữ, tạm giam ngày 18/10/2021 (ngày mười tám tháng mười năm hai nghìn không trăm hai mươi mốt).

2. Về xử lý vật chứng:

Căn cứ Điều 46, Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015;

- Tịch thu, sung vào ngân sách Nhà nước: 01 (một) điện thoại di động hiệu Nokia 110 màu bạc, số IMEI 1: 3512888541303070, số IMEI 2: 351288854630379 có gắn sim điện thoại số 0359.191.377 thu giữ của Trần Văn V; 01 (một) điện thoại di động hiệu Itel màu đen, số IMEI 1: 358625102302124, số IMEI 2: 358625102302132 có gắn sim điện thoại số 0393.855.949.

- Trả lại cho ông Đào Thành L1: 01 (một) điện thoại di động hiệu Redmi màu xanh, số IMEI 1: 860823050225485, số IMEI 2: 860823050225493 và 01 (một) điện thoại di động hiệu HUAWEI màu đen, số IMEI 1: 869881033485809, số IMEI 2: 869881033507818 đã qua sử dụng.

- Trả lại cho ông Lê Văn L: 01 (một) điện thoại di động hiệu OPPO màu tím, số IMEI 1: 861703048884354, số IMEI 2: 861703048884347 và 01 (một) điện thoại di động hiệu Samsung A7 màu xanh dương, số IMEI 1: 353465102245741, số IMEI 2: 353466102245749 đã qua sử dụng.

- Trả lại cho ông Nguyễn Văn T: 01 (một) vỏ lãi composite hiệu PHÁT ĐẠT, dài 5,4 m, rộng 0,85 m, màu xanh trắng và 01 (một) máy dầu hiệu HUYNDAI, 18 HP, số khung: Không có, số máy: HP120EA1405003873 đã qua sử dụng.

(Theo Biên bản giao nhận vật chứng ngày 04/3/2022 giữa Cơ quan An ninh điều tra - Công an tỉnh An Giang và Chi cục Thi hành án dân sự huyện AP, tỉnh An Giang).

3. Về án phí sơ thẩm và các chi phí tố tụng khác:

Căn cứ các điều 135, 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

Buộc bị cáo Trần Văn V và bị cáo Nguyễn Văn H mỗi bị cáo phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo không phải chịu các chi phí tố tụng khác.

4. Về quyền kháng cáo:

Căn cứ các điều 331, 333 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015,

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị cáo Trần Văn V và bị cáo Nguyễn Văn H có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm.

Riêng thời hạn kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án ông Đào Thành L1, ông Lê Văn L, ông Nguyễn Văn T là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh An Giang (1);
- Viện KSND tỉnh An Giang (1);
- Viện KSND huyện AP (1);
- Sở Tư pháp (1);
- Trại tạm giam - CA tỉnh An Giang (2);
- Nhà tạm giữ - CA huyện AP (2);
- Phòng hồ sơ (2);
- Thi hành án DS huyện AP (1);
- Bộ phận THA Tòa án (1);
- UBND cấp xã nơi bị cáo cư trú (1);
- Bị cáo (2);
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án (3);
- Lưu hồ sơ (1);
- Lưu văn phòng (1).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Phạm Tuân